TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST
Ngày 11 tháng 6 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Sông

2. Ông Doãn H Giáp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trọng Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2024/TLST - HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2024/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. CHẨU THỊ T; sinh ngày 30 tháng 4 năm 1983, tại tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 05, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; con ông: Chẩu Thanh Q (*đã chết*), con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1953; chồng: Hoàng Mạnh Thanh, sinh năm: 1973; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại tổ 05, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

2. MAI THỊ S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 16 tháng 10 năm 1983 tại: tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Tổ 03, phường Q, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Mai Xuân P, con bà: Vương Thị S (*đều đã chết*); chồng: Hoàng Văn N, sinh năm: 1984; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2024. Hiện đang tại ngoại tại tổ 03, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Lê H; địa chỉ: Tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

2, Anh Nguyễn Văn TH; địa chỉ: Tổ 14, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị M; địa chỉ: Tổ 02, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

4. Chị Lý Thị Nh; địa chỉ: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng từ 16 giờ 08 phút đến 18 giờ 21 phút, ngày 30/01/2024 tại tổ 04, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Chẩu Thị T đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với 06 *(sáu)* người gồm: Mai Thị S; Lý Thị Nh; Phạm Thị M; Nguyễn Văn TH; Trần Lê H và người phụ nữ được lưu tên trong danh bạ là "c tôi" *(hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, người phụ nữ đang sử dụng số thuê bao* 0372.691.235*)* với Tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng là 31.930.000đ *(Ba mươi mốt triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng),* Sau khi trừ phần trăm số tiền thực tế phải thanh toán giữa bị can T và 06 *(sáu)* người chơi là 27.023.600đ *(Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng)*.

Cùng trong ngày 30/01/2024, tại tổ 03, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang, bị cáo Mai Thị S đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với Chẩu Thị T. Tổng số tiền bị cáo S mua bán số lô, số đề và tiền trúng thưởng trong ngày 30/01/2024 là 21.560.000đ *(Hai mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Số tiền thực tế bị cáo S phải thanh toán cho bị cáo T sau khi đã trừ tiền phần trăm là 17.304.800đ *(Mười bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng)*.

- Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T khai: Bị cáo làm nghề bán vé xổ số cho Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Hà Giang từ năm 2018. Quá trình bán vé xổ số bị cáo nhận thấy việc khách đến mua xổ số thường sẽ không trúng thưởng và bị mất số tiền mua vé. Đến khoảng đầu tháng 01 năm 2024 bị cáo nảy sinh ý định sẽ đánh bạc cùng những người mua bằng cách tự mình thanh toán số tiền được hoặc thua nếu có khách mua số lô số đề không thông qua Công ty Xổ số. Bị cáo nói với một số người quen (không xác định được số lượng người) nếu muốn mua số lô, số đề thì mua của bị cáo và bị cáo sẽ trích lại phần trăm cho người mua cao hơn so với xổ số nhà nước. Bị cáo thỏa thuận với người mua nếu

mua số đề thì chỉ phải trả 76% tổng số tiền đã mua, nếu mua số lô điểm thì người mua phải trả 23.000đ/1điểm, nếu người mua trúng thưởng số đề, sẽ được trả thưởng gấp 70 lần số tiền đã mua. Nếu người mua trúng thưởng số lô, sẽ được trả thưởng số tiền tương ứng là 80.000đ/1 điểm. Đối với số đề ba càng nếu trúng thưởng thì được trả gấp 350 lần số tiền đã mua. Trong trường hợp người chơi không trúng thưởng bị cáo sẽ được hưởng toàn bộ số tiền người chơi đã mua. Nếu có nhu cầu mua số lô, số đề thì nhắn tin cho bị cáo thông qua tin nhắn đến Zalo có tên *"T Thanh"* hoặc nhắn tin đến số thuê bao mà bị cáo đang sử dụng là 0865679015, 0372523983 và số 0798086798.

Từ 16 giờ 08 phút đến 18 giờ 21 phút, ngày 30/01/2024, tại nhà riêng của bị cáo thuộc tổ 04, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang bị cáo sử dụng hai chiếc điện thoại di động để thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề. Chiếc điện thoại thứ nhất nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xanh trong máy gắn 02 thẻ sim, có số thuê bao 0865679015, 0372523983 và có cài đặt ứng dụng Zalo có tên *"T Thanh"* và chiếc điện thoại thứ hai nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xanh đen trong máy lắp thẻ sim có số thuê bao 0798086798. T đã bán số lô, số đề trái phép cho 06 người cụ thể như sau:

1, Mai Thị S: S đã mua bán, số lô, số đề với bị cáo với tổng số tiền mua bán số lô, số đề và tiền trúng thưởng là: 21.560.000đ *(Hai mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền S phải thanh toán cho bị cáo sau khi đã trừ tiền phần trăm là 17.304.800đ *(Mười bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng)*.

2, Trần Lê H: H nhắn tin cho bị cáo để mua các số lô với tổng số tiền là: 2.070.000đ *(Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn)*. Khi bị phát hiện *(Đã có kết quả các số lô, chưa có kết quả giải đặc biệt)*, xác định trong số các số lô H mua có trúng thưởng số lô 60 x 15 điểm tương ứng với số tiền bị cáo phải trả cho H là 1.200.000đ *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)* nên tổng số tiền H và bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi Đánh bạc ngày 30/01/2024 là 3.270.000đ *(Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng)*. Khi H mua được các số lô đã sử dụng tài khoản số 8200205315968 của H cHển số tiền 1.900.000đ *(một triệu chín trăm nghìn đồng)* đến tài khoản số 8200215054969 của bị cáo để trả trước cho bị cáo một phần số tiền lô đã mua. Bị cáo đã giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 2.070.000đ *(Hai triệu không trăm bảy mươi nghìn*) trong đó 1.900.000đ *(Một triệu chín trăm nghìn đồng)* là tiền H trả cho bị cáo để mua số lô, còn 170.000đ *(Một trăm bẩy mươi nghìn đồng)* là số tiền H mua số lô còn thiếu bị cáo tự nguyện nộp thay H, số tiền H trúng thưởng số lô bị cáo chưa giao nộp.

3, Nguyễn Văn TH: TH nhắn tin mua các số đề của bị cáo với tổng số tiền là: 240.000đ *(Hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*, số tiền thực tế TH phải trả sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là 182.400, TH cHển số tiền 182.400 *(Một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng)* đến tài khoản số 8200215054969 của bị cáo. Khi bị bắt bị cáo đã giao nộp số tiền: 240.000đ *(Hai trăm bốn mươi nghìn đồng)* là tổng số tiền TH mua số đề.

4, Phạm Thị M: M nhắn tin mua số đề của bị cáo với tổng số tiền đề là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, số tiền thực tế phải trả sau khi trừ phần trăm là

228.000đ *(Hai trăm hai mươi tám nghìn đồng*), mua số lô với tổng số tiền là: 1.150.000đ *(Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền M mua số lô, số đề với là 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn)*, số tiền mua số lô, số đề thực tế M phải trả cho bị cáo sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là 1.378.000đ *(Một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*. Khi bị phát hiện xác định M trúng thưởng số lô 63 x 10 điểm tương ứng với số tiền bị cáo phải trả cho M là 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền M và bị cáo thực hiện hành vi Đánh bạc ngày 30/01/2024 là 2.250.000đ *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là: 2.178.000đ *(Hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*. M đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di dộng nhãn hiện VISMART và số tiền 1.450.000đ *(Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn)*. Đối với số tiền trúng thưởng số lô của M bị cáo chưa giao nộp.

5, Lý Thị Nh: Nh đã nhắn tin để mua số đề của bị cáo với tổng số tiền là: 560.000đ *(Năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*, số tiền thực tế phải trả sau khi trừ phần trăm là: 425.600đ *(Bốn trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm đồng)*. Mua số lô với tổng số tiền là 230.000đ *(Hai trăm ba mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền Nh mua số lô, số đề với bị cáo là: 790.000đ *(Bảy trăm chín mươi nghìn đồng),* số tiền thực tế Nh phải trả sau khi trừ phần trăm là: 655.600đ *(Sáu trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm đồng)*. Khi bị phát hiện xác định Nh trúng thưởng số lô 46 x 5 điểm tương ứng với số tiền bị cáo phải trả thưởng cho Nh là 400.000đ *(tám trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền Nh và bị cáo Đánh bạc ngày 30/01/2024 là 1.190.000 *(Một triệu một trăm chín mươi nghìn),* số tiền sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là 1.055.600đ *(Một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm đồng)*. Quá trình làm việc với cơ quan điều tra Nh đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di dộng nhãn hiện IPHONE mà Nh sử dụng để đánh bạc và số tiền 790.000đ *(Bẩy trăm chín mươi nghìn đồng)*. Đối với số tiền Nh trúng thưởng bị cáo chưa giao nộp.

6, Từ khoảng 18 giờ 01 phút đến 18 giờ 19 phút ngày 30/01/2024, bị cáo nhận được tin nhắn từ số thuê bao 0372691235 được lưu trong danh bạ có tên *"C tôi"*đến điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, có số thuê bao 0798086798 để mua số đề với tổng số tiền 1.550.000đ *(một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)*. Số tiền thực tế bị cáo được nhận sau khi trừ phần trăm theo thoả thuận là 1.178.000đ *(Một triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng)*. Mua số lô với tổng số tiền là 1.470.000đ *(Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền bị cáo bán số lô, số đề là 3.020.000đ *(Ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng),* số tiền sau khi trừ phần trăm theo thoả thuận là 2.648.000đ *(Hai triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*. Khi bị phát hiện đã có kết quả các số lô, xác định người mua sử dụng số thuê bao 0372691235 trúng thưởng số lô 71 x 5 điểm tương ứng với số tiền bị cáo phải trả thưởng là 400.000đ *(Bốn trăm nghìn đồng)*. Tổng số tiền bị cáo và người dụng số thuê bao 0372691235 sử dụng để đánh bạc ngày 30/4/2024 là: 3.420.000đ *(Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn)*, số tiền thực tế sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là: 3.048.000đ *(Ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*. Bị cáo không biết nhân thân lai lịch của người

sử dụng số điện thoại 0372691235 do người này thường ra quầy bán vé xổ số của bị cáo để mua vé, nên bị cáo cho số điện thoại để khi cần mua thì sẽ nhắn tin và thanh toán vào ngày hôm sau.

Như vậy, ngày 30/01/2024, Chẩu Thị T đã bán số lô, số đề cho 06 *(sáu)* người mua với tổng số tiền là 27.130.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).* Trong đó tổng số tiền T bán số đề là 20.380.000đ *(Hai mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng),* tổng số tiền đề thực tế các đối tượng phải trả cho T sau khi trừ phần trăm là 15.488.800đ *(Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng)*; tổng số tiền T bán số lô là 6.750.000đ *(Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).* Đối chiếu với kết quả mở thưởng xổ số miền bắc cùng ngày và thời gian lực lượng Công an phát hiện ngăn chặn hành vi đánh bạc của bị cáo T, vào hồi 18 giờ 25 phút *(tại thời điểm đó đã có kết quả các số lô, chưa có kết quả giải đặc biệt).* Tổng số tiền trúng thưởng số lô bị cáo T phải trả cho các đối tượng là: 4.800.000đ *(Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).* Do vậy, tổng số tiền T sử dụng để đánh bạc là 31.930.000đ *(Ba mươi mốt triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng),* số tiền thực tế sau khi trừ phần trăm theo thoả thuận là 27.023.600đ *(Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng)*. Tổng số tiền bị cáo T tự nguyện giao nộp là 5.330.000đ *(Năm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)* để phục vụ công tác điều tra.

- Bị cáo Mai Thị S khai: Khoảng từ 18 giờ 02 phút đến 18 giờ 19 phút ngày 30/01/2024, bị cáo sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen bên trong lắp thẻ sim có số thuê bao 0342601497 *(người đứng tên chủ thuê bao là Sầm Thị Thơm; Sinh năm: 1986; Thường trú: Xã Bằng Hành, Hện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Thơm sau khi đăng ký không có nhu cầu sử dụng nên Thơm cho bị cáo quản lý sử dụng)* nhắn tin đến số thuê bao 0865679015 để mua 268 số đề (số tiền mua cao nhất là 500.000đ/số, số thấp nhất là 20.000đ/số) với tổng số tiền là 17.730.000đ *(Mười bảy triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng),* sau khi trừ phần trăm tổng số tiền mua số đề bị cáo phải trả cho T là 13.474.800 đ *(Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn tám trăm đồng)* và mua 08 số lô (số tiền mua cao nhất là 20 điểm/số, số thấp nhất là 05 điểm/số) với tổng số tiền là 1.830.000đ *(Một triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền bị cáo mua số lô, số đề với T là 19.560.000đ *(Mười chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*, số tiền thực tế bị cáo phải trả cho bị cáo T sau khi trừ phần trăm được trích theo thỏa thuận là 15.304.800đ *(Mười lăm triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng)*. Khi bị bắt *(Đã có kết quả các số lô, chưa có kết quả giải đặc biệt),* xác định trong số các số lô bị cáo mua có trúng thưởng số lô 21 x 25 điểm tương ứng với số tiền bị cáo T phải trả cho bị cáo là: 2.000.000đ *(Hai triệu đồng).* Xác định tổng số tiền bị cáo và T sử dụng để thực hiện hành vi Đánh bạc ngày 30/01/2024 là 21.560.000đ *(Hai mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Tổng số tiền đánh bạc của bị cáo và T ngày 30/01/2024 sau khi trừ phần trăm theo thỏa thuận là 17.304.800đ *(Mười bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng)*. Quá trình làm việc bị cáo đã giao nộp toàn bộ số tiền sử dụng để mua số đề với T là 19.560.000đ *(Mười chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* cho Cơ quan điều tra, số tiền trúng thưởng 2.000.000đ bị cáo T chưa trả cho bị cáo. Đối với

chiếc điện thoại di động NOKIA, có gắn số thuê bao 0342601497 bị cáo sử dụng để nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo T ngày 30/01/2024, do sợ bị phát hiện bị cáo đã vứt chiếc điện thoại trên xuống sông tại cầu Gạc Đì thuộc tổ 02, phường Q, thành phố H.

* Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở để khẳng định tại thời điểm hành vi Đánh bạc bị ngăn chặn đã có kết quả mở thưởng xổ số kiến thiết miền Bắc cùng ngày đối với số lô, chưa có kết quả giải đặc biệt để so với số đề. Do vậy, chỉ tính tiền đã trúng thưởng đối với các số lô, không tính tiền trúng thưởng đối với số đề.

Về hình thức mua, bán số lô: Số lô: Có 100 ô số lô là các số tự nhiên gồm hai chữ số *(từ 00 đến 99)*, đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số *"điểm"* tùy ý. Sau đó đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với hai số cuối của một trong các giải là ô trúng thưởng.

Về hình thức mua, bán số đề: Số đề: Có 100 ô số là các số tự nhiên gồm hai chữ số *(từ 00 đến 99)*, đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với hai số cuối của giải đặc biệt là ô trúng thưởng.

Về hình thức mua, bán số đề ba càng: Số đề ba càng có 1000 ô số là các số tự nhiên gồm ba chữ số *(từ 000 đến 999)*, đối tượng đánh bạc có quyền lựa chọn các ô số bất kỳ để mua với số tiền tùy ý, sau đó đối chiếu với kết quả xổ số miền Bắc cùng ngày, ô số đã mua trùng với ba số cuối của giải đặc biệt là ô trúng thưởng. Phương thức thanh toán: Các đối tượng thống nhất sau khi mua có thể thanh toán tiền mua ngay bằng hình thức cHển khoản đến số tài khoản 8200215054969 của Chẩu Thị T hoặc có thể có thể thanh toán vào ngày hôm sau bằng hình thức cHển khoản hoặc gặp trực tiếp trả bằng tiền mặt.

* Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã thu giữ các vật chứng gồm:

- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A50, vỏ màu xanh, bên trong có gắn 02 thẻ sim Viettel có số thuê bao 0372523983 và 0865679015 *(điện thoại của Chẩu Thị T, đã qua sử dụng).*

- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6, vỏ màu xanh đen, bên trong có lắp thẻ sim Mobifone có số thuê bao 0789086798 *(điện thoại của Chẩu Thị T, đã qua sử dụng).*

- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen xám, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0362060561 *(điện thoại của Lý Thị Nh, đã qua sử dụng).*

- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim *(điện thoại của Mai Thị S, đã qua sử dụng).*

- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim *(điện thoại của Phạm Thị M, đã qua sử dụng).*

- Số tiền 27.130.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam do Chẩu Thị T và Mai Thị S giao nộp.

Số vật chứng được cHển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang quản lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 22/CT- VKTPHG ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Chẩu Thị T và Mai Thị S về tội "Đánh bạc" theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan CSĐT, phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng M do cơ quan Điều tra thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, vật chứng thu giữ được, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị.

- Tuyên bố: Các bị cáo Chẩu Thị T và Mai Thị S phạm tội "Đánh bạc" theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,Điều 58; Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Chẩu Thị T từ 16 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 32 tháng đến 40 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/6/2024.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; Điều 65 - Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Mai Thị S từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/6/2024.

Giao bị cáo Chẩu Thị T, Mai Thị S cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106- BLTTHS; Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật và đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa). Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Do muốn thu lời bất chính từ việc đánh bạc, nên vào khoảng từ 16 giờ 08 phút đến 18 giờ 21 phút bị cáo Chẩu Thị T đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với 06 *(sáu)* người gồm: Mai Thị S; Lý Thị Nh; Phạm Thị M; Nguyễn Văn TH; Trần Lê H và người phụ nữ được lưu tên trong danh bạ là "c tôi" *(hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch)* với tổng số tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng là 31.930.000đ *(Ba mươi mốt triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng),* sau khi trừ phần trăm số tiền thực tế phải thanh toán giữa bị cáo T và 06 *(sáu)* người chơi là 27.023.600đ *(Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng)*. Khi thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề bị cáo T không cHển tiền mua bán số lô số đề cho ai, mà mục đích bị cáo T thực hiện hành vi đánh bạc nhằm thu lời cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4]. Bị cáo Mai Thị S đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề thông qua tin nhắn trên điện thoại di động với Chẩu Thị T. Tổng số tiền bị cáo S mua bán số lô, số đề và tiền trúng thưởng trong ngày 30/01/2024 là 21.560.000đ *(Hai mươi mốt triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)*. Số tiền thực tế bị cáo S phải thanh toán cho bị cáo T sau khi đã trừ tiền phần trăm là 17.304.800đ *(Mười bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn tám trăm đồng).* Mục đích bị cáo S tham gia đánh bạc nhằm thu lời cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo Mai Thị S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[5]. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt đề nghị là phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[6]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi Đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng do hám lợi nên vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây

ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, làm gia tăng tình hình tội phạm chung.

[7]. Xét vai trò của bị cáo T: Bị cáo T là người không có việc làm ổn định, biết việc mua số lô, số đề tỷ lệ trúng thưởng thấp nhưng vẫn chủ động giới thiệu thỏa thuận với bị cáo S và những người liên quan khác mua, bán số đề, lô với bị cáo để nhằm mục đích thu lời bất chính. Như vậy, cần buộc bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo khác trong vụ án.

[8]. Bị cáo S tự nguyện tham gia mua số lô, số đề với bị cáo T, nên căn cứ vào mức độ sát phạt và nhân thân của bị cáo để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đúng với quy định của pháp luật nhưng nhẹ hơn bị cáo T.

[9]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[10]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T và bị cáo S đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải khi bị phát hiện đã tự nguyện nộp lại số tiền đã tham gia đánh bạc. Bị cáo Chẩu Thị T có bố đẻ là người có công với Nhà nước được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là người lao động, có nơi cư trú ổn định, nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo mà để các bị cáo cải tạo giáo dục ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T và bị cáo S.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo do các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định.

[12]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13]. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A50, vỏ màu xanh, bên trong có gắn 02 thẻ sim Viettel có số thuê bao 0372523983 và 0865679015. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6, vỏ màu xanh đen, bên trong có lắp thẻ sim Mobifone có số thuê bao 0789086798 *(điện thoại của Chẩu Thị T, đã qua sử dụng).* Qua điều tra và tại phiên tòa xác định được bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[14]. Số tiền 27.130.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đã được giao nhận theo hình thức ủy nhiệm chi vào tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang, trong đó gồm có: Số tiền 790.000đ (*Bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) của Lý Thị Nh giao nộp, số tiền 1.450.000đ (*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) của bà Phạm Thị M giao nộp, số tiền 5.330.000đ (*Năm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*) của bị cáo Chẩu Thị T giao nộp, số tiền 19.560.000đ. (*Mười chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) của

bị cáo Mai Thị S giao nộp. Xét thấy, đây là số tiền các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã sử dụng vào việc tham gia đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[15]. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim của Mai Thị S (*đã qua sử dụng*), không sử dụng vào việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo S.

[16]. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen xám, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0362060561, điện thoại của Lý Thị Nh (*đã qua sử dụng),* 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim, điện thoại của Phạm Thị M *(đã qua sử dụng.* Xác định bà Nh, bà M có sử dụng vào việc mua bán số đề nhưng do hành vi của bà Nh, bà M chỉ bị xử lý hành chính nên trả lại cho bà M và Nh.

[17]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được khi hành vi phạm tội của bị cáo T bị phát hiện, đã có kết quả số lô (*chưa có kết quả số đề*). Trong ngày 30/01/2024 những người tham gia đánh bạc bằng hình thức mua số lô, số đề với bị cáo T có Toan trúng số lô với số tiền được hưởng là 2.000.000đ, H đã là 1.200.000đ; M là 800,000đ; Nh là 400,000đ, người phụ nữ không định được tên là 400.000đ. Số tiền này bị cáo T chưa trả cho những người trúng thưởng và chưa giao nộp cho cơ quan Cảnh sát Điều tra trong qua trình giải quyết. Do vậy, cần truy thu số tiền 4.800.000đ này của bị cáo T để sung ngân sách Nhà nước.

[18]. Đối với hành vi tham gia mua số lô, số đề của Trần Lê H, Nguyễn Văn TH, Phạm Thị M, Lý Thị chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Ngày 10/4/2024, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Trần Lê H, Nguyễn Văn TH, Phạm Thị M và Lý Thị Nh với số tiền phạt mỗi người là 350.000đ *(Ba trăm năm mươi nghìn đồng)* về hành vi "mua các số lô, số đề". Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an thành phố H là đúng luật nên chấp nhận.

[19]. Cơ quan điều tra đã tra cứu thông tin chủ thuê bao số 0372679015 xác định người đứng tên đăng ký chủ thuê bao là Trần Phương *(Sinh năm: 1982; thường trú: Thôn Nhĩ Trung, xã Gio Hải, Hện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị),* Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra cho Cơ quan điều tra Công an Hện Gio Linh, Quảng Trị tiến hành làm việc với Phương, được ông Phương cung cấp bản thân không đăng ký số thuê bao 0372679015 và không có quan hệ gì với T; Tra cứu số thuê bao 0798086798 xác định người đứng tên đăng ký chủ thuê bao là Nguyễn Thị Chi Lan *(Sinh năm: 1986; Thường trú: Tổ 01, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang),* Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Nguyễn Thị Chi Lan, được bà Lan cung cấp bản thân không đăng ký số thuê bao 0798086798 và không có quan hệ gì với T, nên không có căn cứ xem xét.

[20]. Đối với hành vi đánh bạc của người phụ nữ trực tiếp sử dụng số thuê bao: 0372691235 nhắn tin mua số lô, số đề với T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi có đủ căn

cứ sẽ sử lý theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP Hà Giang là đúng luật nên chấp nhận.

[21]. Quá trình điều tra bị can Chẩu Thị T, Mai Thị S khai nhận trước khi bị cơ quan chức năng phát hiện đã từng mua bán số lô, số đề thông qua tin nhắn điện thoại hiện nay không xác định được các số đã mua bán, số tiền và ngày tháng mua, các dữ liệu trong máy điện thoại đã bị xoá, không khôi phục được nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có đủ căn cứ sẽ xử lí theo quy định của pháp luật. Xét việc xử lý của cơ quan CSĐT Công an TP Hà Giang là đúng luật nên chấp nhận.

[22]. Về án phí: Các bị cáo T, S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 47, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Chẩu Thị T, Mai Thị S phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Chẩu Thị T 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (*Ba mươi sáu*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Mai Thị S 14 (*Mười bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 (*Hai mươi tám*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/6/2024.

Giao bị cáo Chẩu Thị T và bị cáo Mai Thị S cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang giám sát giáo dục bị cáo, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A50, vỏ màu xanh, bên trong có gắn 02 thẻ sim Viettel có số thuê bao 0372523983 và 0865679015 và 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A6, vỏ màu xanh đen, bên trong có lắp thẻ sim Mobifone có số thuê bao 0789086798 *(điện thoại của Chẩu Thị T, đã qua sử dụng).*

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 27.130.000đ *(Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng)* tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố H nộp tiền vào tài khoản tạm giữ số 3949.0.9049423.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Giang.

- Truy thu của bị cáo Chẩu thị T số tiền 4.800.000đ (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Mai Thị S: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim *(đã qua sử dụng)*.

- Trả lại cho bà Lý Thị Nh: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, vỏ màu đen xám, bên trong có lắp thẻ sim Viettel có số thuê bao 0362060561 *(đã qua sử dụng).*

- Trả lại cho bà Phạm Thị M: 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, vỏ màu đen, bên trong không lắp thẻ sim *(đã qua sử dụng).*

Vật chứng được bàn giao tại biên bản bàn giao vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H và cơ quan Thi hành án dân sự TP Hà Giang ngày 29/5/2024.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Chẩu Thị T và Mai Thị S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. Hà Gang;
- Công an TP.Hà Giang;
- Nhà tạm giữ - Công an TP.Hà Giang;
- UBND P. Q, TP. Hà Giang;
- Các bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Bình